

BẢN TIN MÙA
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY
LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2018-2019

Lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ và phụ cận, tỉnh Quảng Bình

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa cộng dồn 1.6.2018 đến nay (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất ĐX 2018-2019 (mm)
			Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Vùng sông Gianh						
1	Ba Đồn	1200,7	-28	-31	-51	205
2	Tuyên Hóa	1136,6	-42	-52	-64	236
3	Đồng Tâm	1134,0	-44	-40	-54	198
Trung bình vùng S Gianh		1152,0				212
Vùng Nhật Lệ						
4	Đồng Hới	957,6	-46	-50	-63	194
5	Lệ Thủy	1369,0	-29	-10	-51	208
6	Kiến Giang	1436,0	-31	-14	-41	214
Trung bình vùng Nhật Lệ		1200,6				198

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích từ đầu tháng 6.2018 đến thời điểm hiện tại vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình đạt thấp hơn so với TBNN từ 28-44%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn TBNN từ 29-46%. So với cùng kỳ năm 2017, toàn vùng sông Gianh thấp hơn từ 31-52%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 10-50%.

Dự báo lượng mưa vụ Đông Xuân năm 2018-2019 sắp tới, tại các trạm vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 54-59%; Vùng Nhật Lệ có thể thấp hơn TBNN từ 48-64%; So với cùng kỳ năm 2017-2018, vùng sông Gianh thấp hơn từ 2-59%, vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 4-57%; So với cùng kỳ năm 2016-2017, vùng sông Gianh có khả năng thấp hơn từ 20-56%; Vùng sông Nhật Lệ có thể thấp hơn khoảng 27-52%.



2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

STT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/- %)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ ĐX 2018-2019 (%)
				Trung bình nhiều năm	2017	2016		
1	Minh Cầm (Bẹ)	6,10	79		-27	-21	Giảm	75
2	Vực Sanh	3,28	51		+0	-49	Giảm	14
3	Đồng Ran	5,72	48		-50	-50	Giảm	31
4	Vực Nôi	13,60	53		-47	-47	Giảm	32
5	Tiên Lang	17,50	44		-55	-55	Giảm	32
6	Vực Tròn	52,80	100		+0	+0	Tăng	84
7	Sông Thai	6,25	100		+0	+0	Giảm	75
8	Trung Thuận	4,05	38		-62	-62	Giảm	40
9	Thác Chuối	33,36	50		-20	-3	Giảm	64
10	Phú Vinh	22,36	55		-42	-45	Giảm	47
11	Rào Đá	82,42	72		-18	-16	Giảm	52
12	Cầm Ly	42,00	55		-45	-45	Giảm	51
13	An Mã	67,84	70		-27	-30	Giảm	78
14	Phú Hòa	8,64	66		-34	-32	Giảm	58
15	Thanh Sơn	7,34	100		+1	+1	Tăng	89
16	Cửa Nghè	0,81	53		-47	-47	Tăng	74
	Trung bình		69		-26	-26		61

Nhận xét:

- Hiện tại hầu hết các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có dung tích đạt trên 50% so với dung tích thiết kế. Trong đó, tổng dung tích của 16 hồ chứa tại tỉnh Quảng Bình đạt 69% so với thiết kế (có 3 hồ đầy nước hồ Vực Tròn, sông Thai và hồ Thanh Sơn; hồ có tỷ lệ trữ thấp so với thiết kế là hồ Trung Thuận đạt 38%, hồ Tiên Lang 44%, hồ Đồng Ran 48%); thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 (-26%) và năm 2016 là (-26%)

- Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2018-2019 tại 16 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hầu hết sẽ giảm so với nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2017-2018, chỉ có 3 hồ tăng là hồ Vực Tròn, Thanh Sơn và Cửa Nghè.

- Kết quả tính toán cân bằng nước cho thấy đến cuối vụ Đông Xuân hầu hết các hồ vẫn còn đạt trên 40% dung tích thiết kế. Có 4 hồ dung tích đến cuối vụ lượng nước trữ còn thấp so với thiết kế, là hồ Vực Sanh là 14%, hồ Tiên Lang là 32% và hồ Đồng Ran



còn 31%, Vực Nội 32%. Các hồ này nếu trong vụ Hè Thu không có lượng mưa bổ sung sẽ có nguy cơ thiếu nước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán

❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);
- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn)
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ)
- Kịch bản ít nước (hạn vừa)
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)

1.1. Lượng mưa: Lựa chọn trạm Ba Đồn làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản

- Các tần suất mưa tính toán tại trạm Ba Đồn

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	349
2	50%	263
3	75%	193

- Các kịch bản nguồn nước

TT	Kịch bản	Lượng mưa(mm)	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>349	Mưa (<P25%)	2017, 2018
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	263+349	Mưa (P25-50%)	2016, 2011
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	193+263	Mưa (P50-P75%)	2012, 2010
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<193	Mưa (>P75%)	2009



1.2. Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình sản xuất

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng (ha)
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	281÷374,1 (đạt từ 75% -100% DTTK)	2017, 2018	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	187÷281 (đạt từ 50% -75% DTTK)	2011	200÷450
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	93,5÷187 (đạt từ 25% -50% DTTK)	2010	500÷1.000
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<93,5 (nhỏ hơn 25% DTTK)	-	-

1.2. Lựa chọn các kịch bản hạn cho tỉnh Quảng Bình

Vụ Đông Xuân:

- KB không hạn: Đông Xuân 2016-2017
 - + Lượng mưa vụ: 536,4 mm (TBNN 263 mm)
 - + Tổng dung tích các hồ: 310 triệu m³
- KB hạn nhẹ: Đông Xuân 2010-2011
 - + Lượng mưa vụ: 294,3 mm (TBNN 263 mm)
 - + Tổng dung tích các hồ: 257 triệu m³
 - + Tổng diện tích thiếu nước: 422 ha
- KB hạn vừa: Đông Xuân 2009-2010
 - + Lượng mưa vụ: 257,6 mm (TBNN 263 mm)
 - + Tổng dung tích các hồ: 185 triệu m³
 - + Tổng diện tích thiếu nước: 504 ha

❖ Nhận định vụ Đông Xuân năm 2018-2019

1. Nguồn nước trữ đầu vụ Đông Xuân 2018-2019: Các hồ ở Quảng Bình đạt 69% thiết kế.

2. Tình hình mưa: Mưa vụ Đông Xuân 2018-2019 có khả năng thấp hơn TBNN trên dưới 50% .

Vì vậy dự báo vụ Đông Xuân năm 2018-2019 ở tỉnh Quảng Bình có khả năng nằm trong khoảng giữa kịch bản hạn vừa và hạn nhẹ.



2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 20/12/2018 đến hết vụ Đông xuân năm 2019, nhu cầu nước tại khu tưới của các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là 91,05 triệu m³

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy tất cả các hồ tại tỉnh Quảng Bình đều đáp ứng hoàn toàn nhu cầu nước cho tới hết vụ Đông Xuân 2018- 2019.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2018-2019 trên lưu vực Sông Gianh - Nhật Lệ được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Minh Cầm (Bẹ)	79	292,1	75	100	292,1	
2	Vực Sanh	51	299,3	14	100	299,3	Có nguy cơ hạn
3	Đồng Ran	48	290,0	31	100	290,0	
4	Vực Nồi	53	507,1	32	100	507,1	Cấp nước sinh hoạt 0,0283 triệu m ³
5	Tiên Lang	44	700,0	32	100	700,0	
6	Vực Tròn	100	1455,2	84	100	1455,2	
7	Sông Thai	100	256,6	75	100	256,6	
8	Trung Thuận	38	154,0	40	100	154,0	
9	Thác Chuối	50	715,5	64	100	715,5	Cấp nước sinh hoạt 2,989 triệu m ³
10	Phú Vinh	55	499,9	47	100	499,9	Cấp nước sinh hoạt 1,801 triệu m ³
11	Rào Đá	72	2181,3	52	100	2181,3	
12	Cầm Ly	55	627,2	51	100	627,2	
13	An Mã	70	173,6	78	100	173,6	
14	Phú Hòa	66	265,7	58	100	265,7	
15	Thanh Sơn	100	67,5	89	100	67,5	
16	Cửa Nghè	53	0,0	Không tưới			



3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

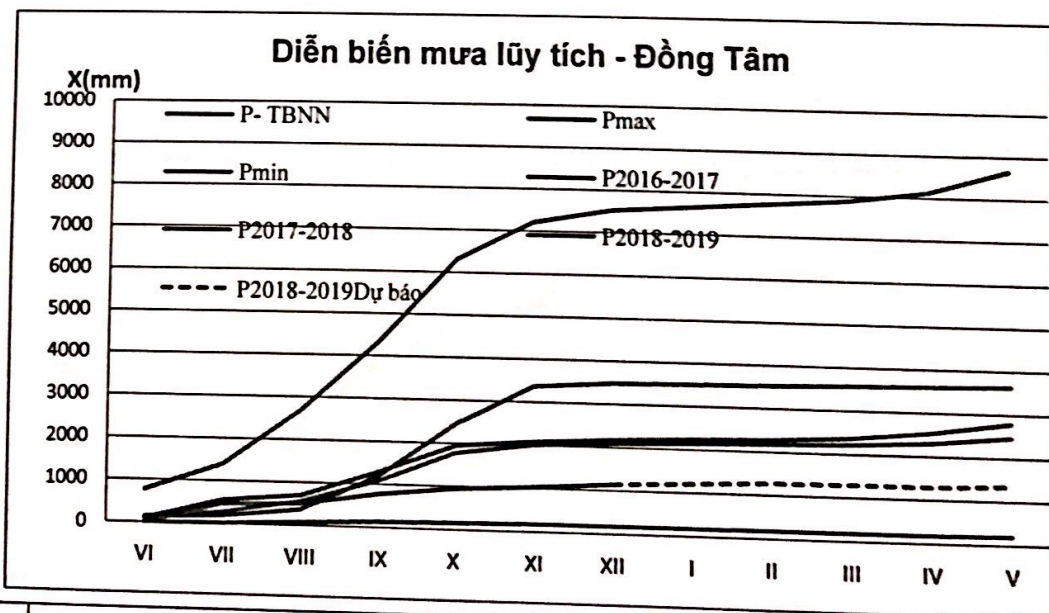
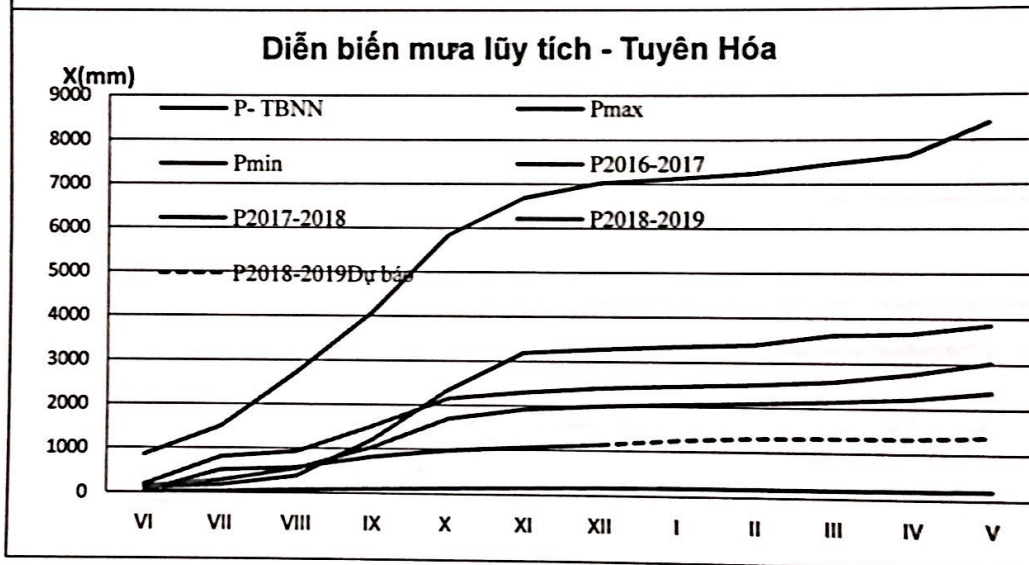
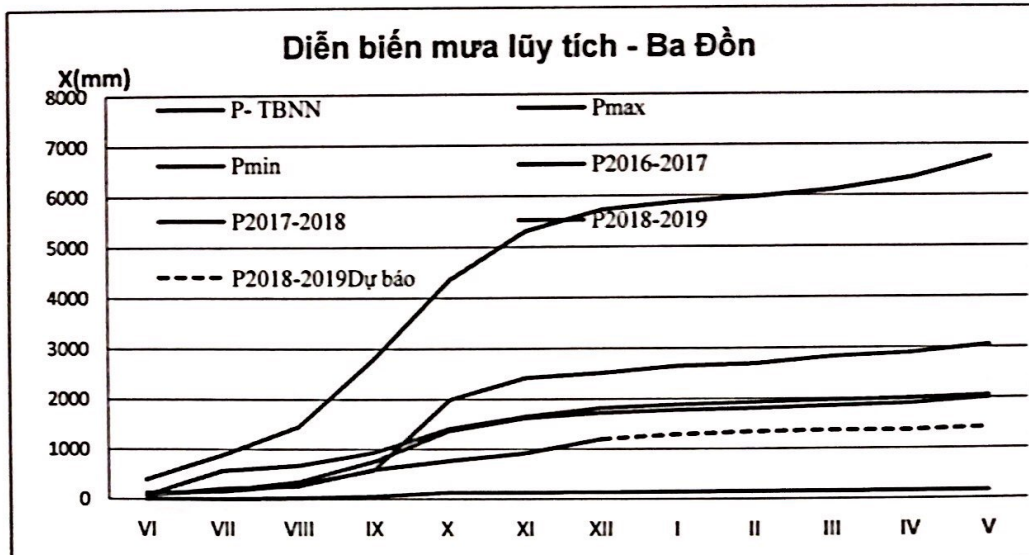
TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Ba Đồn	H. Quảng Trạch	1100,7	+575	-40	-82	Rủi ro hạn
2	Tuyên Hóa	H.Quảng Trạch	1261,6	+595	-42	-83	Rủi ro hạn
3	Đồng Tâm	H.Quảng Trạch	1193,1	+580	-48	-85	Rủi ro hạn
4	Đồng Hới	Tx. Đồng Hới, H. Lệ Thủy	862,0	+336	-57	-85	Rủi ro hạn
5	Lệ Thủy	H. Lệ Thủy, H. Quảng Ninh	1191,8	+492	-43	-82	Rủi ro hạn
6	Kiến Giang	H. Quảng Trạch	1189,8	+275	-49	-82	Rủi ro hạn

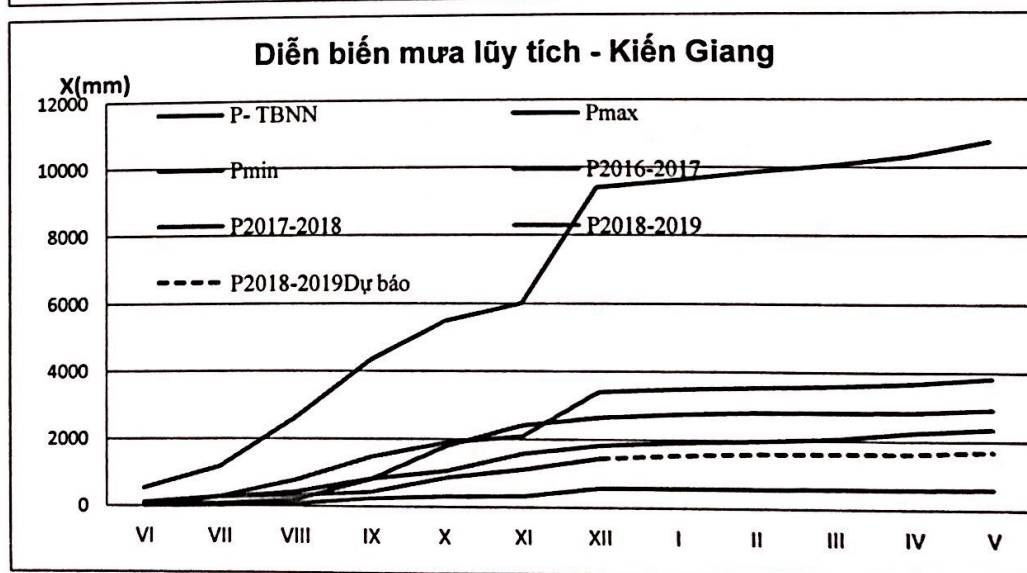
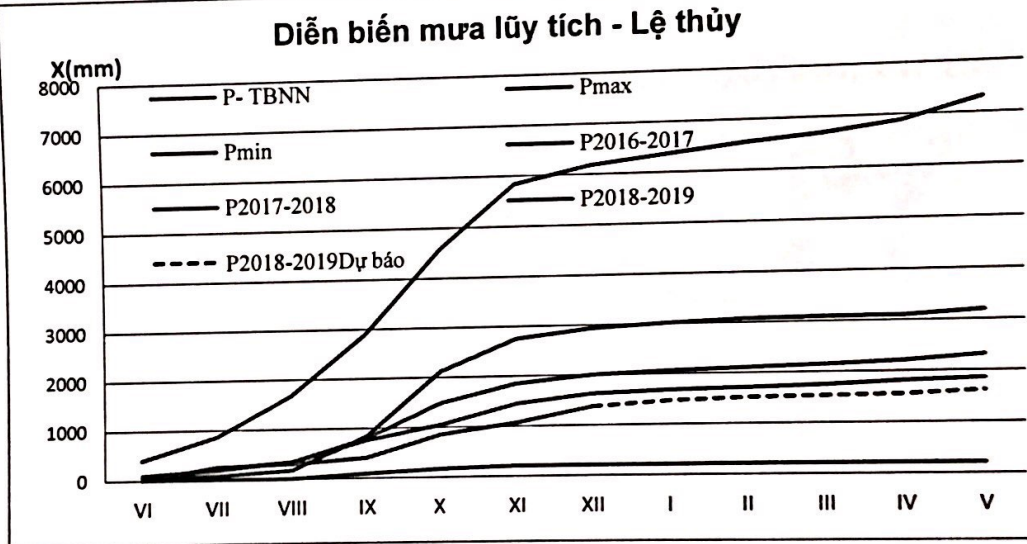
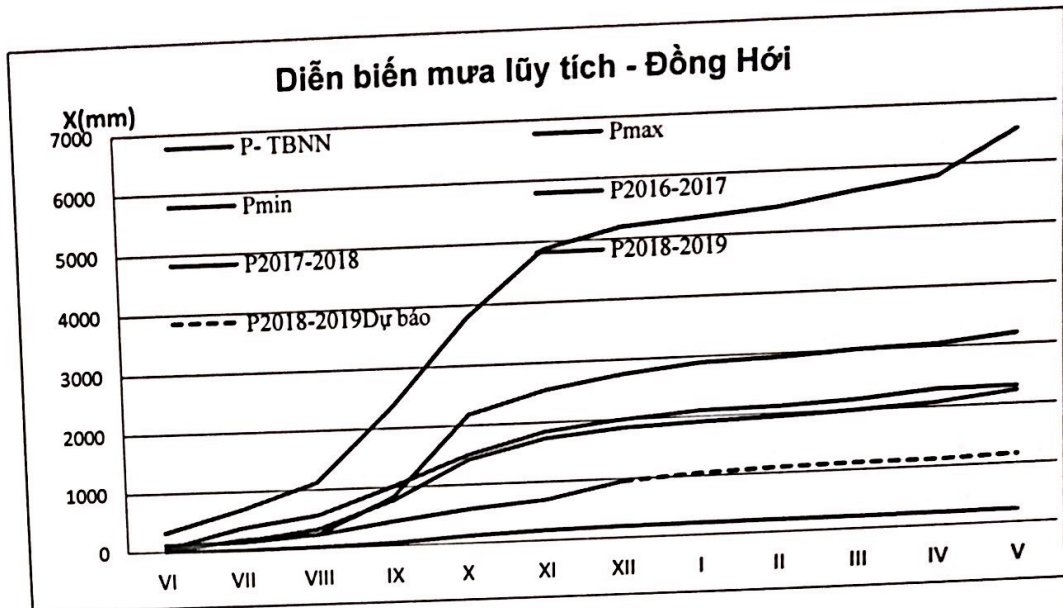
Nhận xét:

Vùng sông Gianh: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6.2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 24-41%; So với cùng kỳ năm 2017 -2018 toàn vùng thiếu hụt khoảng 10-13%, tại Ba Đồn có thể cao hơn 6%, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm

Vùng sông Nhật Lệ: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6.2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2018-2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 26-40%; So với cùng kỳ năm 2017 -2018 toàn vùng cao thể cao hơn từ 2 ÷ 6%, tại Kiến Giang có thể thiếu 13%, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm







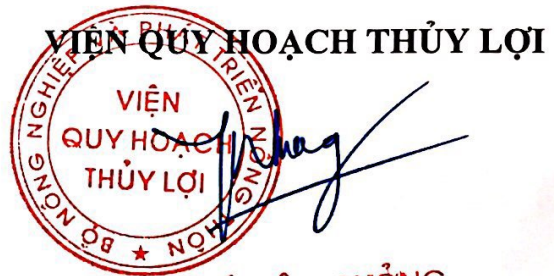
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ cho thấy lượng mưa dự báo trong vụ Đông Xuân 2018-2019 thấp hơn so với trung bình nhiều năm, qua tính toán đến thời điểm hiện tại hầu hết các công trình đều đáp ứng diện tích được giao. Tuy nhiên có một số công trình đến cuối vụ Đông Xuân dung tích trữ thấp so với thiết kế như hồ Đồng Ran, Vực Sanh, Tiên Lang nếu không có mưa bổ sung thì dễ thiếu nước trong vụ Đông Xuân 2018-2019 và Hè Thu năm 2019. Vì vậy các địa phương lưu ý các biện pháp tưới tiết kiệm và tăng cường tích trữ nguồn nước trong hồ.

Thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ Đông Xuân 2018-2019.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Bình;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Quảng Bình;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lương Ngọc Chung

